

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-3-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Mai Thị Thu Hà
2. Huỳnh Văn Năng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “ tranh chấp ly hôn + nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019; QĐ hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐXXST ngày 26/02/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Nh, sinh năm: 1988

Địa chỉ: ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

Tạm trú: Tổ 07, ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Tổ 21, ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19/11/2018 , quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Nhí trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn năm 2000, hôn nhân do mai mối và tự nguyện kết hôn, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã Vĩnh H. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, chỉ lo ăn nhậu, khi về thường kiếm chuyện gây lộn với gia đình và hàng xóm, trong thời gian chung sống anh T thường hay gây nợ, chị đã trả nợ nhiều lần cho anh T và chị có khuyên can nhưng anh T vẫn không sửa đổi, sau nhiều lần hòa giải tại Tòa án chị cũng cho cơ hội nhưng anh T không thay đổi thậm chí còn kiếm chuyện lại gia đình cha mẹ ruột chị và đánh chị và con chị. Nay chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Tuấn K, sinh ngày 30/8/2008. Hiện nay con sống với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: không có

* Tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị Nh trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị Nh trình bày, do anh không chăm lo cho gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt và cờ bạc nên vợ anh yêu cầu ly hôn. Nay anh nhận thấy mình sai nên xin có thời gian sửa đổi, anh cam kết sẽ khắc phục các nguyên nhân mâu thuẫn mà chị Nh trình bày. Trước yêu cầu ly hôn của chị Nh anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Tuấn K, sinh ngày 30/8/2008. Do anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con, nếu chị Nh đồng ý để anh được nuôi con chung thì anh đồng ý ly hôn.

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: không có

* Tại phiên tòa:

- Chị Nh giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Anh T không đồng ý ly hôn với chị Nh, nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh, chị Nh được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kiệt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Phạm Thị Nh có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Thanh T có nơi cư trú tại ấp Vĩnh L, xã Vĩnh H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị Nh và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/3/2007 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị Nh và anh T được đoàn tụ, nhưng các bên không hòa giải được các mâu thuẫn đã phát sinh, chị Nh vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh T.

Chị Nh trình bày sau khi đám cưới vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, lý do anh T không lo làm ăn mà thường xuyên cờ bạc gây nợ không lo cho gia đình, đồng thời anh T hay uống rượu say về kiếm chuyện với gia đình và hàng xóm, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi và chị về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 9/2018, trong thời gian Tòa án giải quyết sau khi hòa giải anh T về kiếm chuyện đánh chị và con, tại phiên tòa hôm nay chị cương quyết xin ly hôn. Ngược lại anh T không muốn ly hôn với lý do anh cho rằng vẫn còn thương vợ con. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị Nh và anh T hai bên cũng xảy ra mâu thuẫn từ lâu, chị Nh và anh T đều xác nhận lý do mâu thuẫn dẫn đến hai bên ly thân. Tại các phiên hòa giải tại Tòa án anh T xin cho anh thời gian sửa đổi để đoàn tụ, nhưng trong thời gian xin đoàn tụ anh T không có thiện chí sửa đổi để hàn gắn tình cảm, khi gặp nhau là cự cãi gây rối làm mất trật tự tại địa phương, đồng thời Tòa án cũng cho các bên có thời gian để đoàn tụ nhưng chị Nh và anh T cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng và tại phiên tòa chị Nh cương quyết được ly hôn với anh T. Như vậy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh.

2.2 Về con chung: Chị Nh và anh T thống có một con chung tên Bùi Tuấn K, sinh ngày 30/8/2008, hiện tại cháu K đang sống với chị Nh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2019 cháu K có nguyện vọng sống với chị Nh. Tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, để không làm ảnh hưởng tâm lý và xáo trộn cuộc sống của cháu K. Do đó, chị Nh được tiếp tục nuôi cháu K phù với Điều

81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

2.4 Về nợ chung: Không có

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nh là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được qui định tại khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nh.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Nh được ly hôn với anh Bùi Thanh T

- Về nuôi con chung: Chị Nh được tiếp tục nuôi con chung tên Bùi Tuấn K sinh ngày 30/8/2008.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0013955 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/3/2019).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Chung